

THƯ MỚI
TẬP MỚI

CÓ TÌNH THÂN CHIẾN ĐẤU KIÊN QUYẾT THÌ KHÔNG GÌ ĐÁNG SỢ

*Biết phòng xa thì cai trị người,
Không biết phòng xa thì người cai trị.*

(Diêm Thiệu Luận)

LONG-ĐIÊN

Xét ra ở đời, không có việc gì đáng sợ, mà cũng không có việc gì không đáng sợ.

Sự đáng sợ, hay không đáng sợ, do tình thế, hoàn cảnh, nhân tâm mà biến đổi đi nhiều.

Như người quân tử không sợ miệng hổ, mà sợ miệng kẻ dèm pha ;

Như con voi to, mà sợ đàn kiến nhỏ ;

Như ta sợ cái bụi bé, bay vào mắt ;

Đến như trong thời Pháp thuộc, quân thực dân, sợ đến cả những lời yêu nước thương nòi.

Việc đời, thường cái nhỏ chễ thẳng được cái lớn.

Xem như cuộc chiến tranh mới đây, khí giới tối tân, tưởng không gì ngăn cản được, thế mà, chỉ có một tinh thần chiến đấu kiên quyết (khiến là phải cho kiên gan bền chí theo đi ở) ; quyết là quả quyết tin tưởng vào sự thành công đem ra đối phó, mà thắng lợi được sung hơn.

Ấy là dân tộc Trung Hoa đó.

Đến như nước ta ngày nay, một số thực dân Pháp lạc hậu, vẫn còn tham vọng, vì thế, ta cần phải tổ chức dân quân hợp lực với Chính Phủ đương thời, để dập tắt ngọn lửa tham tàn của những quân hại nhân ích kỷ.

Trong khi tổ chức, ta chưa mua đủ được súng đạn đầy đủ, nhiều đồng bào lo tính về việc đó ; cũng phải, nhưng, mua đủ được sớm thì càng hay, mà chưa mua đủ được kịp, xét ra, cũng không đáng ngại.

Phạm việc, chính vẫn hơn là, ngay vẫn hơn gian, nên kẻ trộm chỉ đi đêm, kẻ cướp chỉ lần lút.

Ta chiến đấu để bảo vệ giống nòi, gìn giữ đất nước, đó là lẽ chính.

Còn kẻ kia dù có làm to, làm to chễm chệ của người, dù có hung hăng, hung hăng bóc lột dân chúng, toàn là thủ đoạn ăn cướp gan tặc, cho nên Đồng-Minh đã tuấn bộ không cho họ thực hành cái dã tâm khốn nạn ấy.

Cách họ cũng đã nói ra.

Ấy là kẻ về lý chính thì thế.

Nhưng, con thiu-thân, nếu biết vào lửa, tất bị cháy, thì đã chĩa vào

Con hổ, nếu biết lượn ở trong cạm, thì đã không lặn vào cạm ;

Con cá nếu biết mồi ở lưỡi câu, thì đã không cắn.

Sở dĩ, con thiu-thân bị cháy, con hổ bị bắt, con cá bị câu dằm là vì ngu và tham cả.

Một số thực-dân Pháp ngu và tham, không thông cái lý chính như trên, cứ sủa vào lửa, lặn vào cạm, thì tất nhiên ta phải đối phó.

Việc đối phó về quân-sự chuyên môn ra sao, tất các nhà cao cấp Cách-mệnh Dân-quân đã có chủ trương, đây tôi chỉ nói qua mấy lý-do để độc-giả hiểu đại ý cho thêm vững trái tim lòng tin tưởng.

Bằng cả một tinh thần chiến đấu kiên quyết, thì dù chúng có nhiều súng đạn hơn ta, họ cũng không thể làm gì ta được, vì mấy lý-do này :

1. — ĐÔNG : — Xưa nay, bao giờ ít cũng phải thua nhều, cái lý đương nhiên là thế. Một con hổ mạnh dạn, giữa đám quần Lữ cũng phải cựa kén (nhất hổ bất như quần Lữ). Một người sức khỏe dạn dàu, cũng không địch được nhiều người (quả bất địch chúng).

(Xem tiếp trang 4)

Cuộc hội đàm của các nhà báo với

ÔNG BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC GIA GIÁO DỤC

Từ nay việc học sẽ bố huộc. Trong hạn 1 năm
trẻ con trên 8 tuổi sẽ phải biết đọc và biết viết
— Bãi bỏ ngạch học quan — Sẽ mở những lớp
học bình dân — Ban tiểu học vẫn 6 năm như cũ

PHẠM-MẠNH PHAN



ÁNG thứ sáu 7-9-1945 tại bộ
Quốc gia giáo dục đã ở nha
học chính cũ có cuộc hội đàm
của ông bộ trưởng bộ Quốc
gia giáo dục Vũ đình Hoè với
các đại biểu của các báo hàng ngày và hàng
tuần.

Thoạt tiên ông bộ trưởng với chiếc cười
thân mật, nhận họ với các bạn làng văn.

— Thưa các bạn và các ngài, trước trong
khi làm báo tôi đã được cùng các bạn và các
ngài gặp mặt. Vậy đối với tôi không phải là
chỗ xa lạ... Nay tôi mời các bạn và các ngài
tới đây để thay mặt chính phủ tuyên bố với
các ngài một chương trình mới về việc
**Cải cách giáo dục của nước Việt nam độc lập
theo chủ nghĩa dân chủ cộng hòa.**

Ông Hoè nói tới đây hơi ngừng một chút.
Ngồi nghe tôi thấy hơi là lạ khi thấy ông Hoè
bảo là không xa lạ, vì buổi nay tôi thấy ông
rất trịnh trọng lời nói và cử chỉ nhường như
ngượng ngịu với các đồng nghiệp của ông
khi trước mà ông vừa tạm biệt để đáp theo
tiếng gọi của tài năng... Tôi thoáng nhìn ông
Đỗ đức Dục, đồng lý văn phòng của ông bộ

trưởng ngồi có vẻ tươi lên ở đầu bàn tự nhiên
thấy « rút lui » đầu mắt!

Sau vài lời lên án cái học trong hồi pháp
thuộ đã gây nên một hàng người kén dĩnh
vụ lợi làm mất tư cách con người ông bộ
trưởng nói tới nguyên tắc đại cương của nền
học mới là nền học của một nước độc lập
cốt mở mang lý trí, rèn óc tự cường, làm
phát triển tài năng cá nhân đến tột bực, rèn
luyện tinh khí gây nên một hàng thanh niên
mạnh mẽ về thể xác và tâm hồn có gan dạ
lợi cho mình và cho Đoàn thể.

Theo ông bộ trưởng thì nền giáo dục mới
sẽ không phụng sự học thuật mà phụng sự đời
sống. Nó có tính cách thực dụng chuyên
nghiệp và chuyên môn để đào tạo nên một
hàng thanh niên hoạt động tích cực cho sự thực
hiện công cuộc kiến thiết quốc gia nhất là về
canh nông và kỹ nghệ.

Câu nhược điểm của ta là mơ hồ xa thực
tế. Cái học mới sẽ tốn thời linh thần khoa
học, gây cho thanh niên có óc phê bình, óc
phân tích và tổng quát cùng óc thực tế.

(Xem tiếp trang 18)

CHIẾN ĐẤU :

(Tiếp theo trang 3)

Súng có tầm, mà đạn có hạn : súng đạn mà quá tầm thì hóa ra vô dụng. Và lại súng chỉ bắn được một trước, không bắn được xung quanh bốn phía ; vậy trước trường hợp đó, ta có đồng người cứ cầm-tử-lân xả cả vào quá tầm súng, lại xúm xung quanh và lấy tay người chết trước làm mồi đỡ người sống sau mà cứ tăng hái quyết chiến thì súng đạn bao nhiêu cũng không địch nổi.

Vậy, lúc lâm sự, bốn phân quốc dân là phải tăng hái tham gia vào đội cho đông, người đến tồ vào hàng ngũ để giữ gìn đất nước, kẻ già lão, tùy tài tùy lực giúp đỡ Chính-Phủ để ngăn cản cuộc xâm lăng, nhất dân quốc dân tham dự vào việc cứu nạn nước, lấy nghĩa tổ-quốc làm trọng, gác bỏ phân sự gia đình ra bên.

Cụ Phan-Đình-Fúng đã nói với Chư vương :

— Tôi từ khi cùng với chư-tướng khởi binh, đã có chủ tâm là bỏ cả việc gia-dinh què quán ra ngoài không nghĩ gì đến nữa. Nay tôi chỉ có một gia-dinh rất lớn nên giữ, là đất nước Việt-Nam, tôi chỉ có một ông anh rất to nên cứu, là mấy mươi triệu đồng-bào.

Nếu ai ai cũng rõ phân sự lúc này là thế, thì lo chi mà chưa đánh đuổi được bọn thực-dân.

2. — DỨNG-CẢM : — Tức là tinh-thần mạnh mẽ. Do lòng ham muốn mà có tinh thần mạnh mẽ. Từ việc nhỏ đến việc to, tổ lòng ham muốn càng tăng hái bao

hiều, tinh thần càng mạnh mẽ bấy nhiêu.

Ta phải tin ở ta, tin rất mạnh mẽ, tin rất háng hái vào những ý ta muốn. Không bao giờ có việc gì ta không muốn mà thành công được.

Một toán quân mà ai ai cũng một lòng ham muốn quyết chiến để bảo vệ non sông, tức là sẵn lòng đứng-cảm, thì dù quân thừa, kẻ giới ít, cũng thắng được quân thù.

Ta thường thấy những bậc đại tướng cầm quân hay dùng cách phá bẫy kều lộ, đoán tuyệt lối về, thì không trở lại, dễ khích thích tinh thần quyết chiến của ba quân.

Một tên giặc có súng ở tay, đứng trước một trảng sậy cỏ dưng cảm, có koi súng chưa kịp bắn, mà thân đã bị cù n. Như mới đây trong truyện, một bọn dăm ba người cảnh binh đến khám một nhà Pháp- Tên giặc liền lấy súng lục ra chực bắn, thì một người lanh lẹ cúi rạp ngay xuống lán xả đạp ngay vào bụng tên giặc ngã ngựa ra : trong khi đó viên đạn bắn thẳng vào tường, không ai bị thương cả. Tên giặc liền bị bắt.

Người nào cũng sẵn lòng ham muốn gìn giữ đất đai Tổ-quốc thì tinh thần đứng cảm mạnh mẽ vô cùng. Những kẻ xâm lăng có đến rừng koi lòng vào đời.

3. — ĐOÀN KẾT : — Phàm ở đời, không đoàn kết không tự sống được, phụng chỉ, trong việc chiến đấu, mà không đoàn kết thì chế thắng sao được quân thù. Tạo hóa

đã bày cho ta nhiều bài học về đoàn kết, nếu ta để ý nhận xét, thì thấy ngay không đoàn kết là tự đem mình nộp cho kẻ địch.

Kỳ nài không gì bằng nước với lửa, thế mà kéo đoàn kết đem lửa dùng đun nước, được ích lợi biết chừng nào. Như trong thân thể ta, nếu không có dây thần kinh liên lạc đoàn kết các cơ quan, thì thân ta chỉ là một cây trụi vô dụng.

Trong vũ trụ, từ việc nhỏ đến việc lớn, không đoàn kết không thành được việc gì.

Chiến đấu chỉ như cuộc sống của loài giống, để gìn giữ non sông là một sự rất trọng và chính đáng ; vậy ta phải sát cách nài, đứng cho vững, trụ cho gan, đoàn kết cho chặt chẽ tại giặc dù có súng nhiều đạn lắm bao nhiêu, cũng không thể phá nổi cái thành người của quân ta bất tử. Và chẳng trước khi đến xả chém giặc họ cũng phải cho đo thám để xem xét dân tâm, nếu biết ta sẵn có tinh thần đoàn kết mãnh liệt, thì họ đã khiếp phục mà của đem mang thân đến nộp.

Nói tóm lại, muốn là được.

Còn, mất, được, thua, là tự ta cả.

Quân ta đã đông, có sẵn tinh thần đứng cảm, lại biết đoàn kết không chừa rẽ, thì súng to đạn lớn, mà đã làm gì ?

Bây xem lịch sử, gương kia còn tỏ :

Năm 1904, việc xin thuế ở Quảng Nam, dân chúng cứ kéo nhau từng đàn ra kêu xin giảm thuế ở cửa

toà sở, đứng suốt đêm ngày, năm ngón ngang cả ra đường phố. Quân Pháp, đem súng ra dọa nạt, vì thấy dân nhều, có tinh thần đứng cầm súng hải, bảo nhau đoàn kết thành một khối đồng đặc, càng bắn càng làm cho dân chỉ bằng thêm, nên không giáng làm gì, đành phải tháo thủ đầu đuôi.

Đó là vì đồng mà thắng.

Lại năm 1898 ông Cao-Thăng một kiện tướng của cụ Phan đình Phùng chỉ có một toán dân quân mới mộ, súng thì súng cũ đạn bắn ra nổ không mạnh, đi không xa, lại số súng cũng không có mấy. Ông vẫn muốn đoạt được ít súng mới của Tây để làm mẫu bắt chước đúc; nhân có người mách, biết sẽ có một toán ngót 20 khẩu tây đủ súng ống đạn dược, đại tải tiền lương đi qua làng Phở-Châu (chính là huyện lỵ Hương-Sơn bây giờ thuộc tỉnh Hà Tĩnh). Ông hèn mang vài mươi tráng-sỹ đứng cầm, cầm đoàn đao dùi tóe xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị, tức như lối đánh du-kịch ngày nay, nấp hai bên đường tấy toán lính đi qua bất thần sỏ ra, cứ mỗi tráng sỹ sỏ một tên quân Pháp, thành-thủ quân Pháp có súng mà không kịp bắn, rỏ tay không được; trong một lúc mà ông giết được cả 17 người, nhiều công Pháp với 15 tên lính, lấy được cả 17 khẩu súng với 600 viên đạn cùng mấy ngàn bạc: một cách dễ dàng, không một tên quân bị thương.

Đó là vì dũng cảm mà thắng.

Vàng do chúng ta mang đến quỹ Độc Lập.

Sẽ giúp cho nước Việt-Nam được độc lập.

Sẽ chặn đường bọn xâm lăng.

Lại năm 1917, cuộc khởi nghĩa ở Thái-nguyên làm rung động cả toàn quốc, vì xưa nay ít có những cuộc khởi nghĩa anh-dũng như vậy.

Kể ra những cuộc phá ngục, ở đâu cũng có nhưng đều là việc làm ở ngoài vào trong từng có những vụ tự tư phá ngục mà ra được, vì đã là tù mà lại là tù trong phạm, thì bị cầm chốt, trở hươu mỗi người một nơi, cứ đâu có được tự do hành-dộng tuyên truyền mà làm việc khởi nghĩa.

Cuộc biến Thái-Nguyên lại hoàn toàn ở trong ngục ra, vì trong bọn có nhiều tay viên-tướng, như ông Lương Ngọc Quyến (con cụ Lương văn Can), một nhà dõng học mấy vị thủ hạ của cụ Đề-Tam và mấy vị võ-biền là n chủ động. Các tay-bị cầm ki với binh lính không có, ngoại ứng hầu-thuận dờn ở ngoài hằng sự đoàn kết chặt chẽ với nhau mà phá được ngục, cầm giữ dân được 7 ngày, kể là một nỗ khởi nghĩa cổ kim ít có, cho nên cụ Táp Xuyên Ngộ đức Kể một nhà tri sỹ, khi ấy bị đày ở Côn Lôn nghe được chuyện, lấy làm thích, có ghi chép am bài ký gọi là « Thái Nguyên thất nhật quang phục ký ».

Ở ngoài thông thả ra vào, mà lo mưu sự khởi nghĩa đề trống

với cương quyền, thực hiện được lòng. đã gặp muôn vàn cái khổ.

Có nhu như trong ngục tối, chân tay cùm cáp, miệng buộc dăm thế mà cảm hóa được lòng người, đoàn kết được bè đảng, khởi xướng được cuộc cách mệnh, dân áp được kẻ thù, dù có hằng lợi được một giờ cũng đã là thú, là giỏi. Phương chi, hạn thuở không, ngoại ứng không, mà cũng sống được? Ngày ở dưới ánh sáng mặt trời tự do, thật là thú đản anh hùng hiếm có.

T ế mới biết cái sức mạnh đoàn kết vô cùng mãnh liệt.

Đó là vì đoàn kết mà thắng.

Xét tình thế, hoàn cảnh, nhân tâm, ta có thể tin chắc là dân ta sẽ đạt được mục đích. Vậy ta phải làm việc cho nhiều, hiểu biết cho rộng, tin tưởng cho mạnh, đề đối phó với thời cục, và hằng ngày, ai ai cũng nên làm làm nhiệm vụ nhờ đến sự chống bọn thực-dân, cũng cố nền độc-lập và luôn nhớ rằng :

Bốn nghìn lẻ, năm nay có nước,

Bức thư định trước rành rành,

Thánh hiền, hào kiệt, đời sinh,

Cầm quyền tự-chủ một mình

cõi Nam;

(Đàm-Xuyên)

LOVE-ĐIỄN

Pháp và Việt-nam

NƯỚC NÀO ĐÁNG BẢO TRỢ CHO NƯỚC NÀO ?

Từ sau khi hời-Ấu chiến 1914-18, chính phủ Pháp có cái nhĩa ý xin một vài thị trấn Đông-Dương nhận làm « mẹ nuôi » cho một vài thị trấn Pháp, ci o đến gần đây, tất cả có đến bảy tám thị trấn Đông Dương có « con nuôi » ở bên Pháp.

Làm « mẹ nuôi » cho các thị trấn Pháp, các thị-trấn Đông Dương có cái vinh dự to tát ấy, thì cũng lại có một cái trách nhiệm nặng nề, dùng như một người mẹ nuôi đối với con nuôi. Khi đó phải cho ăn, khi khát phải cho uống, khi rét phải cho mặc, lại khi ốm đau phải thuốc thang nâng đỡ;

Người mẹ nuôi đối với con nuôi, chỉ là cá nhân đối với cá nhân, mà trách nhiệm phải nặng nề thay phải giàu lòng nhân ái, nhân từ, thì mới dám đảm đương việc đó. Vì rằng nếu không nhân từ thì ai đại gì cái ách giữa đang đem quàng vào cổ ? Còn nếu không có đức tính nhân ái thì dù muốn thì thổ lòng nhân từ mà cũng không làm nổi.

Đối với cá nhân đã là khó, mà đối với đoàn thể lại còn khó hơn. Yêu đương, chu cấp, bảo vệ, một cá nhân thì dễ, chứ yêu đương chu cấp bảo vệ một dân tộc không phải là chuyện dễ.

Đối với các thị trấn Pháp « con nuôi » của ta, các thị trấn ta được cá vinh dự hằng năm, đến ngày tết nguyên đán, nhận được một bản chúc từ của con nuôi, tỏ lòng kính yêu, biết ơn, và khi cần khoản « mẹ nuôi » dùng đem con bỏ ci ợ. Song trước khi có quyền được nhận

bản chúc từ như thế, ta phải ăn ở thế nào cho « con nuôi » kính yêu ta, ta phải thân yêu trước; cho con nuôi biết ơn ta, ta phải ra ơn trước; « con nuôi » ta khi cần khoản ta dùng bỏ, là « con nuôi » ta đã nhận thấy rằng nếu ta bỏ thì bơ vơ. Ta đã ăn ở ra một người « mẹ nuôi » đầy đủ đức tính tốt là một người « mẹ nuôi » hoàn toàn.

Việc đó không phải dễ. Vì như trên kia đã nói, xứng đáng làm « mẹ nuôi » một đoàn thể, một dân tộc, là một nhiệm vụ nặng nề. Mà đối với dân tộc Pháp, là một dân tộc có một nền văn minh rực rỡ ở Tây phương, thì cái nhiệm vụ lại càng nặng nề hơn nhiều.

Vả lại khi một người nhận một người khác làm « mẹ nuôi » mình, thì người đó hẳn cũng đã nhận chân rằng cái người sắp làm « mẹ nuôi » mình đó có đủ điều kiện cho mình nhờ vả. Một cá nhân như thế, một dân tộc cũng như thế. Các thị trấn pháp đã nhận các thị trấn ta làm « mẹ nuôi » thì hẳn là họ đã nhận chân thấy chỗ ta có đủ điều kiện để bảo vệ cho họ.

Mà ta đủ điều kiện thực, vì hằng năm ta đã vẫn nhận được thư tỏ tình biết ơn của các « con nuôi » ta.

Trái lại, nước Pháp có cái nhiệm vụ bảo vệ cho nước Việt mà cuối năm 1940 quân độ nhật đổ bộ ở gần Đồ Sơn, quân độ pháp chưa đánh đã hàng; đủ tỏ rằng nước Pháp này nay không đủ điều kiện để bảo vệ cho nước ta nữa.

Đang này, ta đã đủ điều kiện để làm « mẹ nuôi » cho bảy tám thị trấn pháp.

NAM PHƯƠNG PHẬT

TÀI LIỆU

ĐỀ ĐÌNH CHINH NHUNG BÀI VĂN CỐ

36 88

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều

(bài nối)

Hồi thứ tư

Kim Trọng nghe tiếng gõ cửa, thấy Thúy-Kiều về khỏi, mới ra mở cửa, thì thấy thư-dồng báo rằng :

Chủ hai tạ thế ở Liêu - dương, lão-gia (ngoài đến là bố già, tiếng tôn - quí của Yau) bảo tôi đi gọi công tử về đề hồ, tang, xin công tử về ngay ». Kim-Trọng nghe tin, cho thư - đồng về trước, vội vàng chui qua giả - sơn ra mắt Thúy-Kiều. Lúc bấy giờ Thúy-Kiều tây còn ở vườn sau. Kim-Trọng nói : « Chẳng may chủ rồi mất ở Liêu-dương, thân - phụ tôi gọi về tở tang, nói rằng hành - lý đã sẵn sửa sẵn sàng, sớm mai tôi lên đường ». Kim-Trọng vừa nói vừa cố vẻ buồn-rầu, lại nói rằng : « Vừa mới gặp nhau, lại phải ly-biệt, thật là nát gan đứt ruột ! Làm thế nào bây giờ ? » Thúy - Kiều nghe nói lấy làm sững « sốt bồi-đồi, nhưng sợ Kim - Trọng đau đớn buồn-rầu quá, nên yên - ủi mà nói rằng : « Đặc nam-quê chỉ ở bốn phương, hà vị cô nhi - nữ thương tình, mà lữ - liêu, không đi nữa. Bây giờ anh có đi sớm về

sớm là hay hơn ». Nói rồi, hai hàng lã chã. Kim - Trọng cũng nức nở gạt ngang. Hai bên đang tự tình ly-biệt, thì thư-dồng đến gõ cửa giục đi. Kim-Trọng đành lau nước mắt mà từ-biệt. Vội vàng về nhà trọ, tuì ngựa đã sẵn yên hành-lý đã sẵn sàng, đang đợi ngoài cửa. Kim - Trọng bèn theo thân-phụ đi tới Liêu-dương... Việc ấy tạm gác, không nói vộ.

Nói đến Thúy - Kiều thấy Kim-Trọng đi khỏi, bèn đi tìm một cái quạt, đẩy cửa, tới chỗ giả - sơn che lấp cái lối vẫn qua lại, rồi trở về trong phòng, ngồi ngửa ra cho đến gần trưa. nghe tiếng cha mẹ gõ cửa, mới đứng dậy mở cửa. Cả hai ông bà viên ngoại cùng vào trong phòng, nói rằng : « Thúy-Kiều con ơi ! Ta sợ cô tại xa đến nơi tôn tại Nguyên trong nhà chú-dượng con, cô chưa hai tháng bán tơ k ông hậu nó bán tơ mua ngựa thế nào, bây giờ, nguyên - chủ nó nhận được của; chúng tôi buộc cho chủ - dượng mày là oa - gia. Ta có ngồi uống rượu với nó vài lần, chỉ sợ nó hãm hại mình nó tiêu xài thọ mình thì khổ ». Nay chưa dứt lời, thì thấy bảy tám đứa công-

sai đi vào, bắt phân phải trái, thoát tiền đem cha con vào ngoài trời vào cột dãi, rồi cùng chia nhau đi lục soát tang vật, nào là nhà trên nhà dưới, nhà trong nhà ngoài, đằng trước đằng sau, từ cái hôm, cái cũ, cái bếp, cái tủ không thiếu một chỗ nào là không lục soát. Phàm cái gì đáng giá, là lấy đi hết. Vương-bà đi ăn kháo thượng thọ mới về, có bộ quần áo mới chưa thay, cũng bị nhúng lột sạch, cả đến vòng xuyến hoa hột, vợ vật kỷ công. Bộ quần áo của Thúy-Kiều và Thúy - Vân uy không được mở nhưng là tang tư lự nên chúng cũng lấy đi. Thúy-Kiều nói rằng : « Các ông công-sai đi tìm tang vật thì xem cái gì có phải tang vật lấy lấy, còn như quần áo dãi dãi, thì nhà ai không có vợ con, bây giờ các ông lại lột hết, không lẽ cho ai có hai cái che thân thật là vô lý. » Bọn công-sai nói : « Có - nương đừng lấy làm lạ cái cách hành-dộng của bọn chúng tôi. Chúng tôi vắng mệnh - lộn quan sai đi bắt các thứ tang vật, thì chúng tôi phải đem dãi về nộp quan. Nếu không phải của nguyên chủ, thì tự nhiên của đi lại được phân vộ.

(Xem tiếp trang 10)

DÂN TỘC VIỆT-NAM

RẤT ĐỦ TỪ CÁCH ĐỂ TỰ TRỊ

III

VŨ - BỘI - LIÊU

Đánh thuế thật nặng vào các sông đồ bác, các lò nấu rượu, để rượu hóa đắt, người nghiện phải chờ chờ đi. (Trái lại, bọn thực dân lại khuyến - khích, và cưỡng - bách dân ta uống rượu : mỗi xuất-dinh bắt buộc phải tiêu thụ nội số nhất định là bao nhiêu rượu trong một tháng) ! — Về nha phiến, đánh thuế nặng gấp 5, 6 lần lúc trước — Và nếu trong quan lại có người nghiện ngập, thì bắt họ phải chữa đi, mới được bổ dụng (Chính-phủ gần đây cũng chưa mới ra cái lệnh đó)

Bắt hết bọn côn-quang vô-lại đưa lên thượng du để khai khẩn đất hoang.

5) Vấn đề nông chính : Nên soạn các sách nông chính để phát cho dân (ý kiến rất hay, chính - phủ nên đem ra thực hành) — Ông có nói kỹ lưỡng đến cả các phương-pháp trị thủy, dẫn thủy nhập điền, và bác vận đặt ra các cuộc đấu xảo canh-nông.

6) Đề mở mang sự giao-thông và thương - mại, ông xin tự đứng trông nom công việc đào một con sông từ Hải Dương đến Thuận Hóa (cái kênh Sắt ở Nghệ An người ta bảo ngày xưa Cao Biền phải bỏ dở, mà nhà Hồ cũng chưa bỏ tay, ông đứng ra đốc-xất, chỉ ít lâu là công việc hoàn - thành)

Ông nhận tự chế thuyền theo cách-thức Âu-tây, và muốn lập xưởng đóng thuyền ở ngay trong nước. Ông lại bàn nên đem xuất-cảng các thổ sản của nước ta, và nghĩ cả đến việc đem tơ Văn Nam ra bán ở nước ngoài nữa ! Về việc nhập - cảng, ông mong nhà nước theo phương-pháp bảo-hộ mậu dịch, đánh thuế thật nặng những hàng ngoại quốc, để bênh vực cho các sản-vật trong nước.

7) Vấn đề thuế - khóa : Ông xin tùy theo giàu, nghèo mà đánh thuế, y như cách đánh « thuế lũy tiền » của các nước văn minh. Vano thuế thật nặng vào các nhà giàu (Thế mà trong bao nhiêu năm, dưới chế-độ người Pháp, một tên cùng đinh khổ rách cũng phải đóng thuế y như một nhà triệu - phú) — Đánh thuế các xa-xỉ phẩm như chè tàu, các hàng tơ lụa của Tàu

8) Vấn đề cứu tế xã hội : Nên theo gương Anh Mỹ, mở những viện tế bần, tế sinh, dực an, và phải cấm tiệt việc hành khất.

9) Vấn đề cai trị : Tiên sinh khuyên triều đình nên chú trọng vào dân dân (Dân vì quý lý, quan và dân không nên

Tách biệt nhau quá, và về mọi vấn đề, ông xin nhà nước hỏi ý dân.

10) Các vấn đề linh tinh : Về những vấn đề khai khoáng, khai hoang, phép thống kê, và đặc điền, ông đều nói rất kỹ càng, cũng như về việc mở mang và sửa sang các thành phố. Cả đến vấn đề quốc âm, ông cũng có bàn đến.

III

Người Việt Nam là một dân tộc can đảm, hy sinh. Nước Việt Nam là một nước anh hùng

Dân tộc Việt nam là một dân tộc can đảm, biết hy sinh. Chính những kẻ trong trường hợp khác đã mặt sát ta cũng phải khen ngợi ta về điều đó. P. Bonnetain đã viết : « Chúng ta có những đạo quân Việt Nam, can đảm đến hình như kinh sự chết ». Và A. Barthouet : « Có nhiều kẻ trí óc nặng nề nghĩ rằng người an nam thiếu can đảm, chẳng qua chỉ như một cái đồ chơi dễ vỡ, một con búp bê bằng ngà, thì việc gì phải nề nang họ cho lắm. Những kẻ ấy nhầm, nhầm lắm... Người an nam can đảm, rất nhiều khi người

thấy một nghị lực mãnh liệt ẩn đằng sau vẻ phong nhã của họ » (... L'Annamite est courageux, il y a très souvent une grande énergie sous sa grâce mûre).

Một Giáo sư pháp, ông Félicien Challaye lại nói:

« Dân tộc Việt nam được đoàn kết bởi sự chung hưởng một lịch sử vẻ vang, một lịch sử không thiếu gì vĩ nhân và anh hùng (lại có cả mấy vị Jeanne d'Arc Việt nam nữa) ».

Nói đến tinh thần quốc gia, cùng sức quật cường mãnh liệt của người Việt nam qua cái thời kỳ Bắc thuộc và Pháp thuộc, ta không thể không nhớ đến câu nói sau này của Trang công nước Tề, một hôm ngài xa giá đi săn, thấy trên đường có một con bộ ngựa, cứ đứng giữa đường, giờ càng lên, chực chống lại với cái xe. Nhà vua thấy thế, bảo tả hữu rằng:

Giống bộ ngựa thế mà đáng kính. Giả sử bây giờ có một người bị kẻ tàn bạo hà hiếp, không ngại gian nan, không sợ nguy hiểm, nhất quyết chỉ tiến lên, chơi với cường địch, chết cũng không thoái tị, thì chẳng đáng nên tôn kính lắm ư! (1). Dân tộc Việt nam trong bốn nghìn năm lịch sử, bao giờ cũng có cái thái độ cương quyết, anh hùng như con bộ ngựa chống xe trong chuyện Trang công.

Thật thế, trong gần một thế kỷ, ta đã chín lần đánh tan quân Hán, Tống, Mông-cổ, Minh.

Bác hàng xóm không lẽ không phải lúc nào cũng uy hiếp được ta, trái lại, có nhiều khi lại bị ta làm cho kinh hồn bạt vía. Họ kéo quân sang xâm lấn đất Việt, chúng ta không bao giờ ngần ngại rõ máu đào để chống lại. Không những thế, tiền nhân ta đã có lần đem quân sang xâm chiếm lĩnh thổ Trung hoa. Đó là việc Lý thường Kiệt sang đánh nhà Tống.

Sử thần Ngô thị bàn về việc đánh Tống có nói: « Trần đánh Ung liêm là võ công to nhất xưa nay ». Câu ấy không phải là quá đáng, vì mười vạn quân ta phá vỡ thành trì của người Tần như trở bàn tay. Ở đất Tần, họ không dám chống chơi, khi ta chiếm xong ba châu cứ việc ung dung rút quân về nước, mà họ cũng chẳng dám đuổi theo!

Hồi đến việc Trần quốc Tuấn hai lần đánh tan quân Mông-cổ. Những trang lịch sử vẻ vang ấy hãy còn ghi trong ký ức mọi người, tôi không cần kể lại ở đây. Tôi chỉ muốn nói qua về lực lượng ghê gớm của rợ Tartares Mông-cổ, những đoàn kỵ binh bách chiến bách thắng đã gieo sự khủng bố từ Á sang Âu; chúng dũng mãnh và tàn ác quá đến nỗi 700 năm sau khi quân Mông-cổ đã rút lui, dân gian miền Trung Âu trong nhời cầu nguyện vẫn còn có câu này: « Lạy chúa, xin phù hộ cho con thoát khỏi sự diêm rồ của quân dã man Mông-cổ » (2).

Chúng đi qua nơi nào, là nơi ấy bị tàn phá khủng khiếp, « dưới vó ngựa của chúng, cỏ không mọc được nữa ». Những đồ thị-lợn, dân-cư và cả đến loài vật nuôi trong nhà cũng bị giết sạch. Quân hung-nô là những chiến sĩ lợi-hại: chúng bắn trăm phát trăm trúng, biết dùng thuốc súng, và hơi ngạt. Như một trận cuồng-phong rũ rột, những đoàn kỵ-binh mông-cổ phi ngựa như bay từ Đông-Á sang đến Bắc Án, đi đến đâu, là quân địch tan-rã, thành-quách đổ sụp như những lâu đài bằng cát: lần lượt những nước Á-lập Bá (Arabie) Tây-bá-lợi-á (Sibérie), nước Bão, nước Nga bị tàn phá.

Sau khi bốn Á-châu, chúng đã chinh-phục hầu được Trung-Hoa, và Hốt tất Liệt đã lên ngôi báu, dựng nên nhà Nguyên, quân Mông-cổ sai sứ sang nước Nam, bảo vua Trần-thái-Tôn phải thần phục Mông-cổ. Nhưng vua Việt Nam không chịu, bắt giam sứ mông-cổ, và sai Trần-quốc-Tuấn lên giữ phía bắc (1257).

Tổ là chiến-tranh giữa nước Mông-cổ khổng lồ, bách chiến bách thắng, với nước Việt-Nam tự hào bất đầu hàng nể. Rồi người ta được mục kích một sự lạ lùng: rợ Hung-nô làm mưa làm gió từ Á sang Âu, sang bên đất nước này đã bị nắm mũi thất-bại một cách chua cay. Ba lần chúng kéo đại quân (Xem tiếp trang 23)

1) « Cổ học nghiên cứu » (Thượng trang 123).

2) Xem bài « Quân Mông-cổ » của ông Trần Đám: Tri-Tân số 17.

Tài liệu để đính chính

(Tiếp theo trang 7)

Còn như Cô-nương bảo không có cái che mình, tr thì chúng tôi làm ơn để cho mỗi người một cái che thân».

Đáng thương thay! một nhà đang vui vẻ đầm ấm như thế, bỗng chốc hóa ra nơi băng bở tuyết! Cha con viên ngoại trời trái cánh ki uỷ ở gốc cột, bị bọn công sai kéo dả trăm binh nghìn cặp: hai con gái và Vương - bà quý xuống đất xin tha. Bọn ấy đánh một tời rồi nghỉ, lại mắng rằng: «Tiếng giặc già, thánng giặc nhỏ, chúng mày không sợ đánh, để chúng tao thử buộc dây xem!» Rồi cõ trời ở khuỷu tay, lột hết quần áo lấy dây buộc hai ngón chân cái, troi vào cột giữa sân. Vương Quan chân chổng lên trời, bọn kia lại đem hai cánh tay trời trái về đằng sau, rồi leo lên xà nhà, khẽ kêu một tiếng thì hai bà dứa cùng đánh. Chúng nó treo ngược Vương Quan đầu chỉ á h dất độ hơn một thước. Vương Quan vốn là học trò, không chịu nổi những binh phạt ấy, kêu to một tiếng, rồi chết ngất đi. Hai con gái là mẹ đang ai cầu ch em và con, thì chợt thấy Vương ông kêu to lên một tiếng: «Chết rồi! hết rồi!» Mẹ con ngảnh lại trông, thì thấy hồn thân tay rúm lại chầu trời, mặt và bụng thì chầu đất. rế lưng thì đeo một hòn đá nặng, 350 dôi xương dôi, 400 củi, 8400 lổ hồng, 1000 củi, 1000 củi...

hỏi, mặt như' chàm đỏ. Thúy Kiều vội vàng đến trước mặt một người công sai tên là Ứng Bộ, nói rằng: «Các bác công sai, bắt tất phải làm ác như thế! Chẳng qua vì đồng tiền! Bác cứu cha tôi và em tôi được toàn tính mệnh, bác có lấy nhiều ít gì, tôi xin tình nguyện bán mình để lấy tiền đưa cho bác». Ứng Bộ nói rằng: «Cô nương quả có lòng hiếu ấy, tôi xin thu xếp hộ. Nhưng việc này đến quan, thì nhất định phải tội chết. Trong một hai ngày phải lo ba trăm lạng bạc thì mới xong: một trăm đưa cho vị quan bộ đạo (đi bắt trộm giặc), một trăm đưa cho thăng giặc, cho nó không khai liên can đến nhà cô; còn một trăm phần anh em chúng tôi có công khó nhọc... Tôi nghe cô nương giới về hồ cầm: Những nhà sĩ hoạn bây giờ, nhiều người có ng' in vàng muốn tìm không được. Nay nếu cô nương chịu bán mình, thì việc ấy chẳng khó gì». Thúy Kiều đáp rằng: «Việc đã đến như thế rồi, nói không được. Xin bác hãy trả ngay cho cha tôi và em tôi ra đã, rồi cùng bàn định». Ứng Bộ nghe lời, gọi tất cả bọn lại, bảo cỡi trời cuo cha con viên ngoại không ngờ cỡi dây trói ra, thì cha con viên ngoại đều trợn mắt chết sững. Vương bà và hai con gái xúm lại khóc oà lên, rã rã cả nhà. Ứng Bộ nói: «Bà và hai cô đừng sợ, tôi gọi cho ông và ầu ấy tỉnh ngay bây giờ». Nói rồi, lấy tay

kéo mấy sợi tóc ở trên đầu rồi ngậm nước lạnh phun vào mặt hai cha con. Được một lúc, hai cha con đều tỉnh, chỉ thấy chảy nước mắt, không nói năng gì được. Ứng Bộ nói: «Có nước chè nóng hoặc rượu, đồ cho mỗi người một ngụm thì tỉnh ngay». Thúy Kiều vội vàng đi lấy một chén rượu, đưa cho viên ngoại. Viên ngoại uống rồi, lại lấy một chén rượu nữa, đưa cho Vương Quan. Hai cha con uống xong thấy trong mình dần dần, chẻ rỏ nước mắt. Vương bà thấy cha con sống lại, vội vàng sầm sửa cơm rượu, mời bọn công sai ăn, và dọn cơm rượu cho hai cha con ăn. Hai cha con nuốt không xuống...

Thúy Kiều thưa rằng: «Vợ đã đến như thế này, là chết đi sống lại, dầu buồn rầu cũng vô ích. Bây giờ thì cha và em đến ở nhà công sai, một hai ngày con bán mình được sẽ đem tiền đến chuộc». Viên ngoại nói: «Việc ấy thế nào? Giá sử mà sống cũng là tự mệnh giới». Thúy Kiều thưa rằng: «Việc ấy đến quan, thì quyết không có lý gì sống được. Nếu cha và em mà chết, thì dòng giống sẽ tuyệt, mà mẹ con không nương tựa vào đâu, chỉ em con rồi cũng lưu lạc chi bằng bỏ một thân con mà toàn được cha và em, toàn được dòng dõi lại toàn được mẹ và em gái. Gửi bỏ cơ một mình con mà hoàn toàn được trọng đại thì con đã quyết, cha

không phải nghĩ gì đến con nữa. Vả lại, sinh con gái là con nhà người, không phải con nhà mình. Con đã thưa rằng không được như Đệ Oanh đáng thư cứu cha, há lại không được như Lý Kỳ bán mình cứu cha hay sao? Khẩu khí mạnh mẽ, lời lẽ kịch liệt. Viên ngoại ghen ghét không trả lời được một câu, cúi cúi đầu chảy nước mắt mà thôi.

Họn Ưng Bộ cơm rượu xong, nói với Thúy Kiều rằng: « Chúng tôi hãy tạm lĩnh lệnh tôn và lệnh đệ về nhà, có nương phải thu xếp mau mau nhé! Nếu quá ba ngày, chúng tôi sẽ đem nộp quan. Chớ để lỡ việc nhé! Còn về việc lệnh tôn và lệnh đệ ở nhà chúng tôi, thì chúng tôi sửa cơm nước cũng được; nhưng Vương - bà nên đi cùng chúng tôi, sắm sửa cơm nước thì tiện hơn, tôi sẽ giới thiệu đến một nhà tốt lắm, không đến nỗi để phụ tâm lòng hiếu-thảo của cô ». Thúy-Kiều gọi mẹ thưa rằng: « Mẹ ơi! Bác ấy nói phải lắm, mẹ nên cùng đi với bác ấy để trông nom cha con và em con ». Vương-bà chỉ việc cùng chồng con đi theo họn Ưng-Bộ mà thôi.

Thúy-Vân nói: « Chị ơi, chị, em tưởng cái tai nạn này là tai họa chung của cả nhà, sao lại để một mình chị chịu nạn? » Thúy-Kiều nói: « Việc đã đến như thế này, nếu không nghe chị, thì việc không xong. Em còn ít tuổi, chưa được nối được việc ấy. Em ngày sau sẽ làm lương thân để thờ cha mẹ, chị mới là trung-thần phải sát - thân

(giết mình) để thành-nhân (thành hiền nhân). Hưởng chỉ chị đã xé kỷ, thử xem cái thân bạc - mệnh này, nó đầy dọa đến đâu! » Thúy-Vân thưa rằng: « Chị ơi, có một điều rất không nên... » Nói nửa chừng như thế, rồi nín lặng. Thúy-Kiều cũng nhìn Thúy-Vân một hồi lâu, không nói câu gì. Sau nói với Thúy-Vân rằng: « Chị có một điều tâm - sự, muốn nói với em, nhưng khó mở miệng. Nếu không nói ra, lại sợ phụ một tấm lòng thành của lần ». Thúy - Vân giải mình nói rằng: « Chị gọi là tấm lòng thành của bản, có phải là Kim-lang không? Từ ngày chị gặp mặt, đã lấy gì làm tình thân-thiết; mà chị cho là có một tấm lòng thành ». Thúy-Kiều đáp rằng: « Chị cũng Kim-lang đã cùng trẻ nguyên bấy nhiêu giai lão. Ngày nay tại - họa không ngờ, toàn được chữ mệnh thì không toàn được chữ nghĩa. Rồi ra chị không biết phận - bạc phương nào! Nếu kẻ kia trở lại thì hầu cạy ai? Hiền-muội ngồi ngay, để chị lạy một lạy » Thúy-Vân nói: « Chị mà lạy em, là nghĩa. làm sao? » Thúy-Kiều nói rằng: « Chị lạy đây không phải lạy để tạ biệt đầu. Chính vì việc ân tình của Kim-lang, chị chưa trả được, chỉ nhờ em báo đền hộ chị thì đã chi có thiệt nát xương tan, cũng ngậm cười nơi chín suối ». Nói rồi, òa lên khóc to, chới ngất đi cộ gậy phút mới tỉnh. Thúy-Vân thưa rằng: « Những lời chị dặn, em xin vâng lời, nhưng xin chị phải rón trọng lấy tấm thân ». Thúy - Kiều nói: « Kim-lang đã đi về Liêu - dương rồi, mà việc cứu cha và em lại không thể chậm được, thật là tiến

thoái lưỡng nan, bất đắc dĩ chị phải nhờ em. Kim-lang ràng chị có một tờ minh - thế, và một đôi xuyên bạc, chị giao tất cả cho em, em nên kẻo ở: ấy là người vĩnh bảo chung thân của em đó. Chị tưởng Kim-lang là người tài - tình không dễ gặp, chị với bản đã có cái tình ước vớ sau, bởi vậy nhờ em hoàn toàn cho. Ngày sau pun quí phụ vinh, chớ quên chị nhé. Chị sợ nay mai người mới đến, chị không kịp kể lại. Nay chị viết vài chữ, như em chuyển đệ cho Kim-lang. Chị hồi tưởng như lúc tuổi-nguyên dưới trăng, thật không bao giờ có nữa. Trước kia ch mợng Lưu Đạm-tiền, đưa cho vịnh thơ Đoạn - trường, rồi lại bảo rằng ta cũng là người trong hội đoạn - trường. Bây giờ mới ng ỉ một đời đi tắt như thế này, k ông khỏi ra ngoài tội đoạn - trường. Hôm nọ đối với Kim-lang mà g ỉ mình, ấy là lẽ thường. Hôm nay gặp tại-biến như thế này, rồi ra một đời khổ tay suông là tự người, mình không được tự c ả, chỉ thỉnh mệnh ở trời. Vay n ất Kim-lang là người đa-tình, hiền-muội có lòng ci liêu cố, hoặc có cái nhĩa ý đi tìm, thì đại-khả ở rón sông Tiên-dương, chắc có t ầu-tức. Cái duyên gặp nhau ở T ầ - dương, đã thấy ở trong mộng, đêm trước đã nằm, việc s ả chắc đúng ». Nói rồi, dấm châu khóc rằng: « Kim-lang ơi! hỡi Kim-lang! Tôi phụ chàng rồi, tôi phụ chàng rồi ». Nói rồi lại khóc, khóc rồi lại than, độ một giờ, tự nhiên nín bật, nói rằng: « Kim-oi, chị không khóc nữa, mẹ đã ở, (Xem tiếp trang 15)

AN NAM ĐÔ-HỘ

Số 2

NGUYỄN-XUÂN-HẠN

Phủ Đô hộ đất Tống bình, gần bờ sông Nhị hà tức là ở địa phận thị trấn Phố Hà-nội ngày nay. Trong hồi Bắc thuộc thành trị trước sau không ở yên hẳn một chỗ mà cứ xếp xích dần mãi về phía đông nam.

Chỗ thị trấn ấy trước kia chẳng qua chỉ là một làng xóm nhỏ không quan trọng lắm vì mãi đến khi Lý Nam đế dời binh ở bờ sông Tô lịch mới bắt đầu tạo ra bảo lũy để chống cự với quân nhà Lương (12). Đến khi phủ trị Giao châu dọn về đó, thành trị bấy giờ còn sơ sài, đến nỗi gác Tàu ở Giang nam tràn sang. Đại tổng quan là Khâu Hòa chức bộ thành chạy vì có các tướng bộ hạ khuyên can, Hòa ở lại đốc thúc mọi người đánh giữ, giặc phải lui. Qua cơn khủng bố, ông bèn lo đến việc phòng thủ cần cấp. Ông sai đắp một vùng lũy đất chu vi chín trăm bộ gọi là Thử thành (13). Những lũy nhỏ quá không đủ chống giữ, ba lần bị quân ngoài vào công phá; bọn Đinh kiên quan rủa Mai hắc đế và giặc Đồ bản.

Phủ Đô hộ không thể là một vị trống trải đến nỗi thế có giặc là thất thủ liền như thế được. Năm Đinh vị (171 t 1787) viên Kinh lược sứ Trương Bá Nghi mới bỏ Thử thành và đắp một ngôi thành khác to hơn cách phía bắc sông Tô lịch hai trăm bộ. Chung quanh

thành có một đường đắp bao bọc cao vài bộ. Quanh Đô hộ sau là Trâu Xương lại sửa sang thêm cho đợc chắc chắn hơn. Sau Bùi Thái cũng có đắp cao thêm lên nữa (14). Đến năm Mậu tí (130 t 1308), Trương Chu làm Kinh lược, rất chú ý đến sự phòng thủ ở trong xứ. Ông sửa chữa lại hai thành Hoan Ai để giữ giặc Chêm. Phủ đô hộ hồi đó ông cho là chưa được chắc chắn. Ông bèn sai phá bỏ đi, đắp một tòa thành khác vừa ý ông hơn. Thành rộng hơn trước nhiều, bờ thành cao thêm độ được 22 bộ, có ba cửa lớn; cửa đông và cửa tây mỗi cửa ba gian, cửa chính ở phía Nam có năm gian trên có vòm canh. Ông còn xây thêm ở trong thành mười sở dinh trại làm chỗ cho quân đóng. Thành ấy lấy tên là An nam La thành (15).

Sau đó sáu mươi năm, (mậu thìn 114 t 1184) phủ thành lại di đi lần nữa. Viên Đô-hộ Lý Nguyên Gia mê tin thuật phong thủy, thấy trong châu hay có nội loạn, cho là tại trước cửa thành có giống nghịch thủy nên mới sinh ra thế. Có nội loạn là tại chính trị bất hòa, lòng dân bất phục chứ có liên can gì đến giống nước lặn lẽ chảy xuôi đó. Nguyên Gia đã cho đắp một ngôi thành nhỏ ở tả ngạn sông Tô lịch trong tuần tháng một, nhưng chỗ ấy cũng không được

giện lợi, ông lại phải bỏ và lại trở bên hữu ngạn. Ông trá ở chỗ cũ có gò g nước không hay đắp một ngôi thành khác cũng ở gần đó. Thế là trong vòng-cổ sáu tháng — từ tháng một năm trước đến tháng năm năm sau (kì t 113 t 1185) — thành bị di đi hai lần (16).

Trong một khoảng đất kể cũng chẳng được rộng rãi cho lắm — quanh vùng Thái hà, Cầu giấy lên đến trường đua ngựa ngày nay — ba tòa thành đắp đi đắp lại: Từ thành của Khâu Hòa, Tô lịch giang cự thành của Trương Bá Nghi và Phủ đô hộ của Lý Nguyên Gia. Từ đấy mãi đến bốn mươi năm sau (17) Cao Biền đuổi được quân Nam Chiếu mới cho đắp lại thành Đại la. Thành của Cao Biền dịch về phía đông giữa hai con sông Nhị hà và Tô lịch giang, Phủ Đô hộ vẫn cứ đóng nguyên chỗ đó cho đến hết đời Bắc thuộc.

Thành Đại la chu vi giải 1982 trương 5 thước (6000 thước tây) tường thành cao 2 trương 6 thước (7 thước tây), chân dày 2 trương 5 thước (7 thước tây). Trên mặt thành còn đắp thêm một hàng nữ tường, có vọng gác lầu khắp bốn mặt đều trông giữ. Ngoài thành thêm một con đê chân vi giải 2125 trương 8 thước (6200 thước tây), cao 1 trương 5 thước (3 thước tây), chân dày 2 trương (6 thước tây). Con đê ấy cách chân thành một quãng xa để phòng tên đạn của quân địch ở ngoài bắn vào không thể tới thành được. Trên

hành có dựng năm nghìn gian nhà đề linh đóng cùng các lầu đài dinh thự, kho tiền và kho lương. Đường đi khắp các nơi thông ra sau cửa thành. Dân chúng tụ tập cả ở ngoài thành xây dựng nhà cửa ở chung quanh lập thành phố phường buôn bán rất là đông đảo (18).

Thánh Đại là từ đấy giữ mãi địa vị một thủ phủ của nước Việt-Trải hơn nghìn năm, thành phố ấy mỗi ngày một thêm thịnh vượng, một thêm to rộng nguy nga. Tuy rằng sau đấy, vua Ngô đóng đô ở Cổ Loa, vua Đinh, vua Lê đóng đô ở Hoa Lư, Đại là vẫn không mất vẻ phồn thịnh vẫn là một nơi trọng trấn, một nơi đại đô hội ở trong nước. Vì thế Lý Thái Tổ lại thiên đô về Thăng long. Cho đến ngày nay, Hà nội vẫn là nơi văn vật, vẫn giữ cái địa vị quan trọng nhất Đông-dương, là kinh đô chính trị và văn hoá của nước Việt Nam vậy.

NGUYỄN XUÂN UÂN

12) Xem chương nhất : *Lý B xung* đ2 (13) *le protectorat gl de l'Annam sous les Tang* (14 *Bài Thất* còn đắp thêm hai tòa thành to ở Hoan Ái để chống với người chiêm. (Khâm định Việt sử)

15) *Le protectorat gl de l'Annam sous les Tang — An nam, chi nguyên*

16) *Idid* 17) Năm bình nhất (1) kỷ 866

18) Khâm định Việt sử — *Le pro. tectorat gl de l'Annam sous les Tang.*

DÂN TỘC VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 9)

Ầm ầm như g'ồ như bão sang uy hiếp nước ta, là ba lần chúng bị đức Trần-hưng-Đạo đánh cho thua xềng-lềng. Toa Đô bị tử trận, Ô-mã-nhi, Phàn-Tiếp bị bắt sống, còn thái-tử Thoát-Hoan phải lèn vào một đường tắt mà chạy trốn về Tàu với một đám tàn quân, máu rợ Hung-Vô chảy đỏ cả một khúc sông Bạch-Đằng, t'ổ là tan cái mộng xâm-chiếm của quân Mông-ô, và chúng ta đã tỏ cho họ biết rằng dân Việt Nam là một dân tộc dũng mãnh, nước Việt-nam là một nước anh hùng.

Trước khi chấm kết chương này, tôi không thể không nhắc tới một chiến công vẻ vang của ta đối với ngoại quốc ở thế kỷ thứ 17 : năm 1664, trong một cuộc giao tranh trên mặt biển, hai chiếc tàu trận không lồ của người Hòa-Lan đã bị đội chiến-thuyền « muối » của ta đánh đắm, còn chiếc cuối cùng phải bỏ chạy hoát thân !

Ông Maybon kể rằng năm ấy, vì một chuyện xích mích, người Hòa-Lan cho ba chiếc tàu chiến xông vào bờ biển Quảng-Nam. Sáu chục chiến thuyền của ta lập tức ra ứng-chiến. Rồi thì chiếc tàu to nhất của quân địch bị bốn chiến thuyền Việt-nam sục vây, chỉ một chốc là họ chặt gẫy, cả bánh lái, bân ngà cả cột buồm. Quân ta chiến-dã hùng dũng quá đến nỗi, biết rằng tình thế không sao cứu vãn được nữa, viên tướng chỉ-huy Pierre Back phải tự châm lửa vào

kho thuốc súng đề rồi chết theo tàu.

Muốn bêu cuộc thắng-lợi ấy vô vang thế nào, ta phải biết rằng, thời đó, người Hòa-Lan có tiếng là những chiến-sĩ lợi hại nhất trên mặt biển, « họ đi đến đâu là leo sự khủng khiếp đến đấy, và không ai chống lại được họ ». Mà mỗi chuyến thủy đi, họ mang theo ít ra hàng trăm « tàu đại bác !

Cố Alexandre de Rhodes bình-phâm về trận này đã viết : « Người Hòa-Lan phải chịu thiệt hại mà không-nghệ-n rằng những chiến thuyền Việt-nam có thể hăng nổi những chiếc tàu không-lò của họ, những chiếc tàu mà nhờ đó trong bao nhiêu lâu họ vẫn tự-p'ự là đã làm chủ được trên mặt biển ».

Kết-luận

Đọc những trang trên kia, ta đã thấy một số người ngoại-quốc chân-chính tỏ lòng tin ở những khả-năng của chúng ta : họ đã không ngần-ngại ca-tụng trí thông minh, lòng dũng-cảm phi-thường của người Việt Nam. Và những trang lịch-sử đầy-rẫy võ-công rực-rỡ tôi vừa nhắc lại, chứng tỏ rằng người mình có thừa đủ điều-kiện để trở nên một nước hoàn-toàn độc-lập, hơn thế nữa, một dân-tộc hùng-cường như tôi đã nói trên đầu bài này. Chính viên cố toàn quyền P. Pasquier đã phải viết : « Một ngày kia, nước Việt Nam sẽ trở nên một cường-quốc trên bờ biển Thái-bình-dương ». Không phải một mình tác-giả cuốn « Cổ Việt Nam » (L'Annam d'autrefois

nghĩ thế dân. Félicien Challaye một giáo-sư người Pháp-có tiếng, người đã có lần bỏ hào giải phóng cho các thuộc-dịa, trong một cuộc công-đồng diễn-thuyết do hội Nhân-quyền ở Paris tổ-chức năm 1925, đã đọc một bài diễn-văn nói về chính-sách cai trị của người Pháp bên Đông-Dương. Ông mạt sát bọn thực-dân, và tỏ lời khen-ngợi dân tộc ta, bảo người Việt-Nam là « một dân-tộc trác việt » (un peuple supérieur), có một nền văn-minh đặc sắc, « có một giá trị rất cao về tinh-thần và luân lý ».

Lẽ tất-nhiên là người Pháp ở bên này không được hài-lòng về những lời phán-đoán ấy. Chi-nhánh hội Nhân-quyền ở Hải-Phòng viết bài phản-đối, in thành sách để gửi sang Pháp công-kích ông Chalaye. Ông này cõ cật trong ban trị-sự Hội chính ở Paris, và nhân dịp đề phê-báng t-âm t-ệ người Việt Nam Chúng báo « người Việt Nam là một dân-tộc dã-man, chỉ có roi roi mới dạy nổi được » một dân tộc « có đủ các tính xấu của những nước sống trong vòng nô lệ hay sợ hãi quá nên sinh ra đê-iến, hèn hạ, tính tình gian-ác, giả dối mà sự gan-ấn đối với họ là một đức tính — không biết lòng danh dự là cái gì, và trước khi người Pháp sang đây thì sống như là súc vật ». Thấy giáo-sư Challaye khen dân mình là cao-thượng, bọn thực-dân ấy phất bản lên mà nói :

« Dân tộc ấy mà cao-thượng à ? Cao thượng về cái gì kia chứ ?... Họ có đủ các tính xấu nói dối, ăn cắp, bói-lộ, xảo-quyệt, độc-ác, nham-liêm, v.v... »

Nói về mỹ-thuật ư ? Nói về văn-chương ư ? Người An-nam có sản-xuất được một ông Khổng-Tử nào đâu ? Quen sống trong vòng nô-lệ, trí-khôn họ suy-nhuộc đi, họ còn sáng-kiến được cái gì nữa ?

Nói về hội-họa ư ? Chả có một cái gì cả. — Còn về nghề điêu khắc ? Cứ xem những hình chạm nổi trong các ngôi chùa, những bức tượng Phật, những con hồ bèn-bệt chẳng ra hình-thù gì, thì đủ biết — Về âm-nhạc à ? Muốn hiểu tại âm-nhạc của họ, ta cứ việc lắng tai nghe lũ mèo gào trên mái nhà ! (1)

— Ta hãy bỏ những câu phê-báng ấy ra ngoài tại mà nghe nhời phàm bình của nhà chính-tri Paul Doumer, cố tổng-tổng Pháp quốc, người đã có lần ở ghế toàn quyền Đông-dương trong năm năm. Ông đã viết trong cuốn « Indochine française » những câu này :

« Bọn họ bị đánh bởi người Trung-hoa, rồi bị họ thống-trị trong một thời-gian, người Việt Nam vẫn tự-vệ rất can đảm và bảo-vệ hay khôi phục được nền độc-lập... »

Người Việt Nam hơn các dân-tộc láng giềng, đến đó không ai chối cãi được. Dân Cao mên, dân Lào, dân Xiêm không thể cự-đương với họ được. Không một dân tộc nào thuộc đế-quốc

Ấn-độ có những đức-tính tốt như người Việt-Nam và phải đi đến Nhật-bản mới tìm thấy một giống người có giá-trị như họ và giống họ. Dân Việt Nam và dân Nhật-Bản hẳn có họ với nhau từ nghìn xưa. Cả hai đều thông-minh, can-mẫn, và can đảm. Người Việt Nam thành được một người lính rất thiện-chiến, trọng kỷ-luật và dũng-cảm. Họ là một người làm việc kiên-mẫu, một người làm ruộng tốt ở thôn quê, một nhà tiểu-công-nghệ khéo léo và có sáng-kiến ở thành-thị. Ở địa-vị thợ-thuần cũng như ở địa-vị quân-nhân, họ hơn hết thảy các dân-tộc khác ở Á-châu. đem so sánh với họ... Tôi đã nghiệm thấy cái định-lá chung này : những người can-dảm trong công-việc làm thì cũng can-dảm khi chiến-tranh. nghĩa là sự can-dảm chỉ có một. Nếu người ta can đảm trước sự mệt nhọc, thì người ta cũng can-dảm trước sự nguy-hiểm dù trước cái chết. » theo bản dịch của ông Tâm Thanh đăng trong Đông-phát).

Không thể tìm được một câu nói nào hơn thế, cãi lại những lời vu cáo, hay lăng-mạ của bọn thực-dân, và tôi cũng lấy đoạn văn trên kia của Paul Doumer để làm kết-luận cho bài này.

VŨ BỘI LIÊU.

1) Xem bài giả lời của ông Thượng Chi, hồi ấy làm phó-thư-ký chi-hội Nhân-quyền ở Hà-Nội, và được Hội cử ra viết bài giả lời ; Nam-phòng số 1071

Tài liệu để đính chính

(Tiếp theo trang 11)

thì người mới đã đến; ấy là một việc gặt-tinh, giá-sử không người lấy ta, thì những công-sai ở ngoài phủ, tất là làm cho cha và em ta không yên ».

Lúc ấy trong lòng rối-loạn, định đề lại mấy chữ mà không biết nổi, chỉ bằng lấy gậy bút, viết sẵn một phong thư, rồi rửa nước mài mực, ngọn bút chấm vào, một tiếng thở dài, hai hàng lệ-chứa, vừa khóc vừa nói rằng: « Kim-lang ơi, tớ Kim-lang, hôm nay em cố gắng mình, không theo ý muốn của chàng là phòng đệp đêm hợp-cần, không lấy gì làm tư. Nếu biết trước rằng hôm nay như thế này, thì lúc ấy chàng giữ làm gì » Nói rồi, cầm bút vừa khóc vừa viết một bức thư rằng: « Thủy-Kiều bạc mệnh! họa kiời siêu-tường. Kỳ bất năng vì Đê-canh đại phụ minh oan, nhi cận vi Lý — Kỳ mã thân lêu Tô gia nạn, mãi thân tất vì quân quý hỹ, hận tỹ. Hồi tư oán-hạ đầu thuận

Cải chính

Trong bài « Dân-tộc Việt-nam rất đủ thể-cách để tự-trí » của Vũ Đệ Liêu đăng trong số trước: 202

Trang 6, cột 2, giòng 12 in là: Người Pháp đủ có tiếng... xin đọc: Người Pháp chỉ có tiếng..

Trang 7, cột 3, giòng 35: in là: Một nước mà trong ấy, các du-khách, ai ai cũng là thi sĩ xin đọc mà trong ấy, theo lời các du-khách, ai ai cũng là thi sĩ

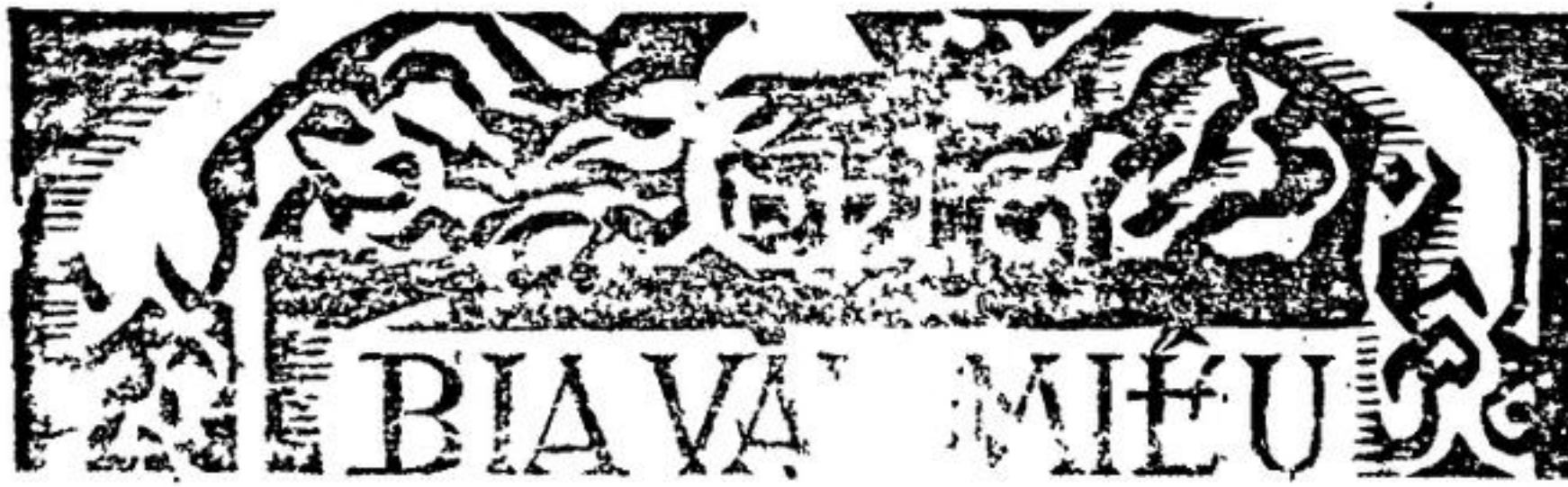
chữ tự, cảnh vì thiếp bạc mệnh án hỹ. Lang niệm cập thử, đặc vô oán hỹ. Thiếp niệm, bạc tình bất năng tự tặc Kinh dĩ xá muội đại sung cầu trất, Lang nước bất khí nhi phủ thành ra, thứ khả thiêu thù ân tình vu vạn nhất tỹ Thiên phai hải giác, chỉ nhật đăng trính, nguyệt hạ chi minh, dĩ thành vong tưởng, hồ cảm nhất trường, oán khứ nhất xáo, dĩ hương niất phong, tha nhật đồng ngã muội, phần hương điều năm, canh ca độ khúc, hương yêu liễu nhiều, thế phong tịch lịch nhi lai, thiếp bồn tại yên, hạnh dĩ bôi đính lịch ngã oán hồn, kỳ thụ hỹ dĩ đa hỹ, sinh tử chi bất, liễu tận vu thử, ngôn đản tình trường, bất rãng tất bộ, duy kỳ nỗ lực của san, hạnh vô dĩ thiếp vì niệm. Tượng Thên-Lý lang minh tạ, niệm ái-muội Vương Thủy-Kiều lếm nhĩn hải » Định nghĩa là: « Thủy-Kiều này là người bạc mệnh, tại họa xảy ra ở chốn siêu-tường, không thể bất-chước Đê-Oanh-kêu oan thay cha, mà chỉ làm được Lý-Kỳ bán mình để khổ nạn Tô-gia. Bán mình tất là nhục chớ chàng, thiếp lấy làm hồ tẹn ân-lưu giận là Hồ trưởng kún dưới nên tiếp cự càng, tại nay lại là cái án bạc-mệnh cho thiếp. Chàng nhớ đến chỗ ấy chắc là oan giận lắm. Thiếp tự nghĩ là người bạc-don không thể nào tự nói được to duyên ấy Nên thiếp kính đem xá muội (em gái) nàng khăn sửa túi thay thiếp, nếu lang quân không chê mà tác-thành cho, ngõ-lầu cá ân-lưu rửa thiếp đối

với chàng báo đền được muôn một. Chán giới góc bể, thẳng ngày lên đường, lời thề dưới trăng, đã thành vọng tưởng, một đàn hồ-cần, một khúc sầu-oán và một phong thư thừa thừa. Ngày sau chàng cùng em thiếp, đốt hương, gầy đàn, đọc ca, ngâm, khúc, khói hương phảng phất, có gió lạnh như mưa tuyết đưa lại, tức là hồ thiếp đó. May mà chàng lấy chén nước chôn mà rửa vào oán-lầu của thiếp, thì thiếp mang ơn nhiều lắm. Cái tình ly biệt trong khi sống chết, lẽ hết ở trong thơ này. Nói ít tình dài, không thể lẽ hết. Chỉ xin cố sức thêm ơn, xin chớ nghĩ gì đến thiếp. Thơ này gửi đến chàng Kim-rên tự là Thiên-ý, như hãy đứng ở dưới trăng cùng tở Em được chàng yêu lấy làm nhục. Tớ là Vương Thủy-Kiều khép vai áo lính lay », Ngoài phong bì đề chữ « Kim Thiên-ý minh-huynh khả » nghĩa là « chàng Kim Thên-lý là người đã cùng tở nên mở thơ này ». Viết xong giao cho Thủy-Vân nhận. Lược đi b Kim Vda Kiều truyện, bản sa tr ởng Bá-cổ, số A 253, từ tờ 34 a đến 41 b.)

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỔ





NHỮNG ÔNG NGHE TRIỀU LÊ

Số 115

Ung hân NGUYỄN-VAN-TÔ

TRONG đời Lê (1418-1789) họ Mạc (tên vị hơn sáu mươi năm (1527-1593), có hai mươi hai khoa thi, từ khoa 1529 đến khoa 1592. (Đồng khoa lục (q. 2, tờ 21 b đến 63 b) chép đủ tên các ông tiến sĩ đỗ những khoa ấy; nhưng ở Quốc-lưu-biann Hà-nội chỉ thấy có một làm bia nhà Mạc về khoa kỳ-sửu (1529) còn thì không thấy tên nào về đời Mạc; có lẽ về sau nhà Lê tru g-hưng, cho vùi xuống đất, hoặc phá đi chăng.

Tuy chép tên các ông tiến sĩ đỗ với nhà Mạc, nhưng rõ vẫn dễ dãi. Bài là « Ông nghe triều Lê ». Theo thuyết chính thống. Đã q-khoa-lục cũng chỉ chép có tên khoa vào niên-hiệu nhà Mạc (1529-1593), còn mười ba khoa 1556-1592 ở trên vẫn chép vào niên hiệu nhà Lê và chưa họ Mạc ở dưới tên chữ nhỏ.

Khoa năm Thìn 1552 là năm thứ ba niên Đại-cảnh của Mạc Đăng-Danh, có hai mươi bảy ông đã kể tên dưới đây:

Ba ông đỗ nhấ giáp tiến sĩ cập-đệ:

1. — Nguyễn - bực (Sinh), người xã Cam học, huyện Thanh oai, (nay phủ Thanh oai thuộc Hà-dông, phủ Ứng thiển, trấn Sơn-nam, nguyên quán ở xã Cao-đương. Năm ba mươi tám tuổi, đỗ hội-nguyên khoa năm Thìn 1552, vào thi đình đỗ trạng-nguyên.

Làm quan đến Lại bộ thượng thư Tịch-quận công. Năm thứ hai niên Thuần bình đời Lê Trung - tông (1550) tức là năm thứ ba niên Cảnh lịch nhà Mạc, Mạc - Phúc - Nguyên đương ở Thanh-lông, nhưng Phúc-Nguyên là người hòa mễ hèn yếu, lại tìm lời gièm pha. Nên Nguyễn-Thuyên cùng với Nam đạo tướng là Phạm quốc-công Lê-Bá-Lý giữ thành Đông kinh, đem quân đánh Thanh-hoa qui thuận vua Lê (lúc ấy vua Lê còn ở Thanh - hoa), vua Lê thưởng cho và gien thưởng, lại cử cho y nguyên quan chức cũ, thăng hàm thiển phó. Lúc bấy giờ Nguyễn-Thuyên năm mươi bảy tuổi. Thuyên đã quen thuận với Lê, thì những mưu thần mãnh tướng của Mạc, kéo nhau vào Thanh-dã bắt thanh thế của triều đình nhà Lê càng ngày càng rớt. Đến năm đinh tỵ 1557 niên Thiển-huân thứ nhất, đời Lê Anh-tông Nguyễn-Thuyên mất, thọ sáu mươi ba tuổi. Là cháu nội Nguyễn ác-cần Địch (đỗ thom hoa khoa 1481), cháu ngoại Nguyễn bá Kỳ (đỗ đồng tiến sĩ khoa 1463); gọi Nguyễn đức Lương bằng cậu. Nguyễn đức Lương là con Nguyễn bá Kỳ. Lương đỗ trạng nguyên khoa 1514 lương truyền Nguyễn bá Kỳ đón thầy địa lý tìm đất, được một cái huyệt ở xã Cao-xá. Khi táng đến nơi, thì con Nguyễn ác-cần Địch bị bệnh phong, làm nhà

đường bệnh ngay trên huyệt, lấy thế lực đuổi không được, cho liễn cũng không đi. Người bệnh phong đòi danh đời con gái Nguyễn bá Kỳ tức là em gái Nguyễn đức Lương. Khi hai nhà đã bằng lòng kết làm nhà gia, người bệnh phong ngộ phong chết ngay về về nhà không báo tin, ra đến nơi thì mới đã xong thành năm (?) Thấy địa lý nói rằng: « Người em gái ông có cái bụng trạng nguyên, ông làm cậu ông trạng cũng được có hề gì.

nhưng huyệt này còn vượng, nên phụ táng cũng phải. » Quả nhiên, Nguyễn đức Lương đỗ trạng nguyên khoa 1514, người em gái tức là mẹ Nguyễn Thuyên đỗ trạng nguyên khoa 1532: người đời truyền tụng là « trạng cậu, trạng cháu ». Truyền tụng như thế rất phải, nhưng ta cả ở chỗ mà thì chẳng hóa ra giảm mất cái công học-hành đi ư? Dù sao cũng nên biết một cái lỗi xem đất ngày xưa.

Tổ đình nhà Nguyễn Thuyên đóng phương kiến-huyệt. Nguyên có một cái gò rất rộng, chạy dài thành hình chữ thập (chín ngôi sao), chia 3 hàng mỗi hàng 3 gò, hình chữ « vương », mộ-táng ở gò giữa hàng thứ ba; trước có cái bát rậm ngang đóng vào chữ bình-ngộ trong la-kinh, phía ngoài những gò đóng như chân đế rất nhiều. Nhà phong thủy kết kiểu đất ấy rằng: « Thế trong tuy tốt, nhưng hình ngoài rất xấu, lại họa tự người ta đem đến, ác nghiệt tự mình làm ra ». Cho nên con Nguyễn Thuyên là Nguyễn Quyển cũng là người có tài có dũng, lúc dần theo cha qui thuận nhà Lê, được Trịnh Tùng yều dùng. Khi Nguyễn Thuyên mất, lại về làm quan với Mạc, đến tước Thường quốc công, rồi thăng là chiến tướng thời bấy giờ. Sau có một trận đánh nhau với nhà Lê, bị Trịnh-Tùng bắt được làm

lại tra-di. Con Nguyễn Quyền là Nguyễn Tín cũng phẫn nhà Lê, bị chết trong ngục. Người đời cho thế là đúng như kẻ đâm.

Con cháu về sau trốn mỗi người mỗi nơi; có một chi ở Thanh-hóa, đổi là họ Lê, có Lê Văn Phú làm đồng đốc, Lê Văn Hay làm tham tri. Một chi đến ở Bình-dã đổi là họ Phạm, phẫn nhiều phát quan võ. Một chi ra ngoài quốc sau có người làm vua nước Lưu-cửu, vào khoảng đầu đời Minh-mạng (1820), có sai sứ về sinh (bị) ở nước, và về là g.cũ thăm viếng. Người ta cho rằng cũng ở kiêu đất, nên mới được như thế. (Dịch theo Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 24 a, và Đăng-khoa bị khảo, quyển Sơn-nam, tờ 37 b 38 a, và lược theo Đại-Việt đình-nguyên Phật-lục, tờ 24 a-b).

2. — Bùi-Vĩnh, người xã Định-công, huyện Thanh-dóm (Thanh-tri), phủ Thượng-tin, trấn Sơn-nam. Làm nhà ở xã Thỉnh-liệt. Năm hai mươi năm tuổi (Đăng-khoa-lục, q. 2, tờ 24 a, chép là đỗ năm ba mươi năm tuổi) đỗ bằng-nhôn khoa nhâm-thìn 1532. Làm quan đến Hộ-bộ là thị lang (Đăng khoa-lục chép là bộ Lại), kiêm là-xuân-phu, g là-thuý-thư đông-các học-sĩ, Mai-lưu hầu. Năm ba mươi tám tuổi (cũ, như thế, thì Đăng-khoa-lục chép đỗ năm ba mươi năm tuổi là nhầm) được truy tặng Mai-quân-công, lên thụy là trung miếu. Về sau nhà Lê trung-hưng được truy tặng thái-bảo. Con là Bùi Bình trai do chân, sinh-đỗ quí thuộc nhà Lê, có công được phong, Minh-nghĩa nguyên-lục thừa-tin công thần, làm đến Lễ bộ thượng-thư, tước Văn-phong hầu. Đến năm甲午-mão 1615 Bình-trai tám mươi năm tuổi, được trí sĩ; rồi lại tiến ra cho làm phụng-thị-quốc-lão, thọ 93 tuổi, truy tặng thụy-tiêu Tiến-quân-công, gia phong thái-tể. Con trai con gái đến

Tên chúng ta sẽ ghi trong « sổ vàng » những người đã chiến đấu cho nền Độc Lập nước Việt-Nam.

V: chúng ta đã cương quyết hy sinh tính mệnh chống ngoại xâm, chúng ta đã mang vàng ra bỏ vào quỹ Độc lập

được hiện quí, sử khen là đường đầu vọng tộc ở Sơn-nam. Anh Bùi-Vĩnh là Bùi-Trạ làm quan với Mạc đến chức là lý Đông-giang hầu, cũng quí thuộc nhà Lê, thăng tước Hộ bộ thượng-thư phong hiệp mưu là lý công thần, truy tặng thái phó Kinh-quân-công. Là con Bùi-xung Trạch, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1478. Là ông là Bùi Bình-Quân đỗ đồ g tiến sĩ khoa 1619. Là ông là Bùi Huy Bích đỗ nhị giáp đình nguyên khoa 1769 (Đăng-khoa bị khảo, q. Sơn-nam, từ tờ 6 b đến 7 a).

3. — Ngô Sơn-Khoái, người xã Định-bảng, huyện Đông-ngàn, phủ Từ sơn, trấn Kinh bắc. Năm bốn mươi hai tuổi, đỗ thám hoa khoa nhâm thìn 1532. Làm quan đến Bình bộ là thị lang, kiêm đồng các đại học sĩ, lược nam, sau khi mất truy tặng tước hầu (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 24 a, và Đăng-khoa bị khảo, q. Kinh-bắc tờ 37 b).

Sáu ông đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, kể lên dưới đây :

1. — Nguyễn Diên Khang, người xã Vĩnh thế, huyện Siêu lợi, phủ Thận an, trấn Kinh bắc. Năm bốn mươi một tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1532. Làm quan đến Lễ bộ hữu thị lang, kiêm quốc tử giám tư-nghiệp, tước nam. Có đi sứ Tàu. Sau khi mất, được tặng là thị lang, tước hầu (Đăng khoa bị khảo, q. Kinh bắc, tờ 105 b).

2. — Hoàng Du, người xã Mạc xã, huyện Chương đức, phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam, làm nhà ở xã Đan sĩ, huyện Thanh oai. Năm hai mươi một tuổi, đỗ nhị giáp khoa 1532. Làm quan đến Lại bộ

là thị lang (Đăng khoa lục, q. 2, chép là bộ Binh) tước bá, trí sĩ, được tặng quận công. Là con Hoàng Th'ng đỗ đồ g tiến sĩ khoa 1516; Có chỗ nói là em Hoàng-Thông (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn nam tờ 50 b).

3. — Dương Hồng, người xã Thượng phúc, huyện Thượng phúc, phủ Thượng tin trấn Sơn nam. Năm hai mươi sáu tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1532. Làm quan đến thị lang, kiêm đồng các đại học sĩ; Vì xuyên ba. Mạc nhà Huy cho là theo Hoàng vương, giáng tước chính sử. Là con Dương trạc Nguyên, đỗ nhị giáp khoa 1499 (Đăng khoa bị khảo, q. Sơn nam, tờ 24 b).

4. — Lương Hộ, người xã Phàn vệ, huyện Dương hảo, phủ Thượng-hồng, trấn Hải dương. Đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1532. Làm đến Lại bộ hữu thị lang tước tá. Lúc mất, truy tặng quận-công (Đăng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 4 b).

5. — Trần Dư, người xã Tráng liệt, huyện Hồng ngàn, phủ Từ sơn, trấn Kinh bắc. Đỗ nhị giáp khoa 1532. Làm quan đến hiến sai sử. Sinh ra Trần Khánh Hươg đỗ đồng tiến sĩ khoa 1583 (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 24 b).

6. — Trần Nguyễn Khái, người xã Bình hạ, huyện Đông ngàn, phủ Từ sơn, trấn Kinh bắc. Năm hai mươi tám tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1532. Làm quan đến hiến sai sử (Đăng khoa lục, q. 2, tờ 24 b).

(Còn nữa)

ỨNG-HOÀ NGUYỄN-VĂN-TỔ

ÔNG BỘ TRƯỞNG...

(Tiếp theo trang 3)

Chính phủ dựa theo nguyên tắc trên sẽ dần dần cho ban bố một nền học duy nhất chung cho toàn thể dân chúng không phân giai cấp.

Ngay hiện thời, chính phủ trong dịp khai trường sắp tới sẽ cho ban bố một nền giáo dục bình dân trước hết dạy cho học sinh biết em bình dân biết đọc biết viết, chữ quốc ngữ với một ít kiến thức sơ thiểu về khoa học về nghề nghiệp về quyền lợi và bổn phận một công dân.

Ngoài việc cải cách nền học Việt nam, bộ quốc gia giáo dục sẽ gây một nền « văn học mới » theo tinh thần độc lập và tinh thần khoa học để phụng sự nhân sinh và đại chúng.

Trong việc này bộ quốc gia giáo dục sẽ cần đến sự cộng tác chặt chẽ của các văn gia cùng các hội văn hóa.

Công cuộc cải tạo giáo dục theo tinh thần độc lập và chủ nghĩa dân chủ cộng hòa sẽ cần sự cố gắng của tất cả các giáo sư và các giáo viên. Các giáo viên ngạch tiểu học sẽ có một trách nhiệm rất nặng nề là trực tiếp với đại chúng ở thôn quê để làm thực hiện sự cải cách giáo dục. Chính phủ sẽ ủy theo ngân quỹ mà nâng cao đời sống của các giáo viên cho xứng với nhiệm vụ của họ.

Sau khi tuyên bố về bản chương trình của Chính phủ dân chủ Cộng hòa, ông bộ trưởng bộ quốc gia giáo dục cho anh em làng báo biết một vài quyết định quan hệ của Chính phủ về việc học:

1. Trong khi đợi lập sự cưỡng bách giáo dục, việc học chữ quốc ngữ từ nay bắt buộc và không mất tiền cho cả mọi người.

2. Hạn trong một năm toàn thể dân chúng trên 8 tuổi phải biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ. Ai trái lệnh sẽ bị phạt tiền.

3. Sẽ thiết lập trong toàn quốc cho nông dân và thợ thuyền những lớp học bình dân buổi tối.

4. Trong hạn sáu tháng, làng nào và đô thị nào cũng sẽ phải có ít ra là một lớp học dạy được ít nhất là 30 người.

5. Ngạch học quán sẽ bãi bỏ.

6. Sẽ đặt ra ngạch thanh tra học vụ.

Trước khi từ giả các đại biểu các biểu các báo, ông bộ trưởng Vũ đình Hóa có lưu lại trong ít phút để cùng các anh em đàm đạo.

Có người hỏi:

— Có sự chống bách giáo dục thì Hội truyền bá quốc ngữ sẽ rơi là thừa vì khi làm một công việc cạnh tranh với chính phủ và có bị giải tán không?

— Cũng không sao, ông Hào trả lời, trái lại Hội truyền bá quốc ngữ lại sẽ giúp đỡ rất nhiều cho chính phủ về việc thực hiện các điều dự định, ngoài ra chính phủ lại kêu gọi sự cộng tác của các anh em thanh niên các sinh viên và các công chức về việc mở các lớp học tối cho anh em lao động.

— Bực tiểu sẽ chỉ có 5 năm hay 6 năm như cũ?

— Sẽ có 6 năm vì lớp nhì năm thứ nhì (cours moyen 2e années) sẽ không bãi bỏ.

— Các học sinh có bằng sơ học bỏ lên học cao đẳng tiểu học có phải tại không?

— Có, vì số học trò nhiều và vì vấn đề tài chính, hiện nay chính phủ không thể mở nhiều lớp năm thứ nhất học cao đẳng tiểu học được. Nhưng chính phủ sẽ hết sức rộng rãi về việc tuyển các học sinh vào ban đó.

Một đại biểu một báo hàng tuần có yêu cầu ông bộ trưởng từ nay đừng bắt các học sinh và các thí sinh nộp nhiều giấy má phiền phức và tốn kém cho các gia đình như hồi pháp thuộc. Ông Bộ trưởng có ghi các điều nói trên.

Cuộc hội đàm chấm hết sau một tiếng đồng hồ — Theo như lời tuyên bố của ông bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục thì mọi người đều thấy chính phủ sẽ chú trọng đặc biệt đến việc giáo dục bình dân. Còn phương diện đức dục và thể dục của toàn thể các trẻ em bậc sơ học và các học sinh? Người ta không nêu các học sinh sẽ được đặc biệt huấn luyện thế nào, vì chưa thấy ông tuyên bố, trong khi theo học đề sau này nước Việt-nam mới sẽ có những tâm hồn mạnh mẽ có một nền luân lý chắc chắn trong mọi thân thể cường tráng.

PHẠM-MẠNH-PHẠM

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 3

11

Yêu-Ly — Hạp-Lư — Quân-Sư
Võ-Tướng — Hai-lá-hữu

Yêu Ly

Kẻ hàn sĩ ở bên bờ lau lách.
Chốn cổ thôn may được gót vàng thăm.
Nhưng vẫn ở ngai đến chỗ không nhằm.
Đoàn xe ngựa há dừng nơi mái cỏ ?

Ngô hạp Lư

Lời khiêm tốn xin ngai vui dạ bỏ.
Tưởng chút tình người đã có công đi.
Ngựa với xe ngai nhắc tới làm gì
Khiến cho kẻ bất tài thêm tủi dạ.
Ngai ăn đặt, ôi ngọc lăm với đá !
Chưa phen thăm, lòng ấy náy không ngoi.
Nhưng tương tri thị đã tương tri rồi.

Yêu Ly

Ngai quá dầy (trở ghê)
Lên mình son chiếu cổ.
Nước chư-vị tạm ngồi trên ghế cỏ.

Quân Sư Võ Tướng (ngồi)

Cảm ơn ngai

Yêu Ly

Tựa kẻ uều-sinh đang
Sống sướng đây nhưng đã mất bằng hoàng.
Rồng xuống giếng hạp tít trong có cá.
Cổng ngai vốn ngựa sinh chưa gặp gỡ.
Thấy tôn-nhân bằng tổ ngữ chưa hay.

Dám thưa ngai, lời ngọc hãy ban ra,
Băn-sĩ đội ơn sâu ngai trọn kiếp (vái)

Ngô-hạp-Lư

Ngai an tọa (Yêu-Ly ngồi)
Thưa vâng, chưa có dịp.
Mắt phượng-hoàng đề ngó tới chim sâu.
Nhưng biết ngai vàng đã biết từ lâu,
Lòng nguỡng mộ từ xưa nay mới thỏa.

Yêu Ly.

Ôi hồ thẹn với câu ngai dạy quá.

Ngô-hạp-Lư.

Thưa hiền sinh, tôi là chúa chư hầu,
Tiền vương xưa bỏ mạng lại đất Tào
Là muốn nương ngai vàng cho Quý hát. (1)
Vương Liêu chẳng trọng vọng-hồn kẻ thác
Cướp ngôi vua nên thổ-tử là tôi
Trước cảnh khổ-đau không nỡ yêu ngai,
Lên ngôi báu trước tái hung sóng gió —

Yêu Ly (sup lại)

A Ngô-Chủ ! thời hân sinh quá khổ !

Ngô-hạp Lư. (dỡ Yêu Ly dậy)

Nhà Châu suy thiên hạ nổi binh-đao.
Nước Ngô ta, ngọc ả suốt trong trào
Nhờ ơn trên chỉ gáo xuống ngu này
Biết duyên sự khốn ngai thời ô-rá,
Và quý tánh... kéo lòng ở ngai quá.
Bụi trên-hai chắc đến tự miền xa.

Xem Đông chạ biệt quốc, quỳn ?

Nom-nếp sợ nổi hung-tàn chinh-chiến,
Tôi lên ngai, ấy lòng trời đã khiến.

Thương

Bên Ngã-thành, Khánh-kỵ con Vương-liên.
Ngày đêm lo chiêu nạp tướng binh nhơn
Đông gây loạn theo chân cha thuở trước.
Tình huyết-thống, đi rồi nhau một bước.
Còn đau thay, nữa là giết đâm nhau...

Tay cắt tay, Ngó chẳng rõ tâm nào,
Nhưng Klánh quyết đem binh về chiếm đất.
Nhìn sông núi, lòng tôi như dao cắt
Khi tướng xa đến ngày nọ suy-vong,
Giao sơ hà cho lũ kiến, bầy ong
Giành râu-xé không gồm xương máu dờ

Yên-Ly.

Tàu Ngô chủ, say bần sinh mới rõ.
Xu lượng trời tha tội kẻ ngu-dân.
Long-nhạo xa chưa được thấy mặt lần,
Không thiếu-dào nổi dạ rộng lo-lắng.
Gặp Ngô-gia, phước trong đời may mắn;
Rõ sự-tình, nhân-tử xiết đau thương.
Chưa đến quý dưới bộ ngực quân-vương
Tội đáng chết, chỉ cầu xin lượng biển.

Ngô hạp Lư

Ngài nhọc đã làm chi cho nặng tiếng
Ở nhà-gian soi được mấy người hiền
Tôi gặp ngài như Rồng nọ lên Tiên
Chỉ mong lúc quay về không tải hổ.

Yêu Ly.

Tàu Ngô-chúa, xin lời vàng phước rõ
Lúc quay về ở bất tại điều chi?

Ngô-hạp-Lư

Tôi ngại-ngùng, tuy từ lâu xói ruy.

Yêu Ly.

Xin chúa phán, ngài chỉ dẫn lối đi.

Ngô-hạp-Lư

Ngô ra đi, nghĩa là ngô quyết chi;
Đến nơi rồi, lời hứa khó lên môi...
Thôi Quân-sư ngài nói bộ lời tôi

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THUẬN

TRI-TÂN TẬP-CHÍ RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 204

Tình thần chiến đấu...	Long-Điền
Cuộc hội đàm với ông Bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục	Phạm-mạnh-Phan
Pháp và Việt-nam...	Nam Phương Phật
Tài liệu đồ định chính những bài văn cổ (LXXXIII)	Nguyễn-văn-Tổ
Dân tộc Việt nam rất đỗi tư cách đề tự trị (hồi)	Vũ-bội-Liên
An nam đồ hộ (hồi)	Nguyễn-xuân-Uân
Những ông nghề triều Lê (CXV)	Ứng-học
Kịch yêu-ly (III)	Lưu-quang-Thuận

GIÁ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaulme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Chi 40, phố Đông Kiên — Hải-dương